

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/DS-PT

Ngày: 29 - 6 - 2020

*V/v tranh chấp chia di sản thừa kế theo
pháp luật và yêu cầu hủy GCNQSD đất.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Bùi Hữu Nhân

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Bà Đỗ Thị Thúy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 62/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 155/2020/QĐ-PT ngày 05/6/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1956; địa chỉ: 22 N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Đ:

Luật sư Lê Công B; Văn phòng luật sư Minh Hthuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: 05 L, Phường 4, thành phố Đ. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn H, sinh năm: 1958; bà Lê Thị M, sinh năm: 1961; địa chỉ: 31 N, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông H, bà M:

Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1974; địa chỉ: 104 KP13, phường B, quận B, Thành phố H. Có mặt.

Văn bản ủy quyền ngày 09/6/2020.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* 1/. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1960; địa chỉ: 222 T, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hương:

Luật sư Nguyễn Hồng P; Văn phòng luật sư Hthuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng; địa chỉ: 94A K', xã H, huyện Đ, tỉnh L. Có mặt.

2/. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh L; địa chỉ trụ sở: 270, Quốc Lộ 20, khu phố 2, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện Đ:

Ông Nguyễn Văn C; chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đ; địa chỉ: 270, Quốc Lộ 20, khu phố 2, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện Đ:

Ông Phan Anh T; chức vụ: Phó trưởng phòng - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ; địa chỉ: 270, Quốc Lộ 20, khu phố 2, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L. Vắng mặt.

Văn bản ủy quyền ngày 26/4/2019.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày:

Bố mẹ bà là cụ Nguyễn Văn R, mất ngày 23/01/1991; mẹ là cụ Nguyễn Thị L, mất ngày 23/12/2004. Quá trình chung sống bố mẹ bà sinh được 3 người con bao gồm: Bà là Nguyễn Thị Đ, ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H. Ngoài ra, bố mẹ bà không có con riêng và con nuôi.

Quá trình chung sống bố mẹ bà có tạo lập được tài sản là diện tích đất khoảng 910m² tọa lạc tại 31 Nguyễn Trãi, thị trấn L, huyện Đ. Nguồn gốc diện tích đất này là do bố mẹ bà khai phá từ năm 1954 đến năm 1970, bố mẹ bà được chính quyền cũ cấp quyền sở hữu mang tên Nguyễn Thị L. Sau khi giải phóng thì toàn bộ gia đình cùng chung sống trên đất, đến năm 1991 thì cụ Rchết không để lại di chúc; sau khi cụ Rchết thì diện tích đất trên do mẹ bà là cụ Lvà vợ chồng ông H, bà M là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Năm 2004, cụ Lchết không để lại di chúc. Sau khi cụ Lchết thì toàn bộ diện tích đất trên do vợ chồng ông H, bà M là người trực tiếp quản lý, sử dụng. Do nguồn gốc đất là do bố mẹ bà khai phá, bố mẹ bà chết không để lại di chúc nhưng không hiểu tại sao toàn bộ diện tích đất trên lại đứng tên bà M là con dâu của cụ Ru, cụ Ltheo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L116656 và số 4203010358 do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông H, bà M vào ngày 13/4/2004.

Nay bà yêu cầu Tòa án xác định lại toàn bộ diện tích đất mà Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho ông H, bà M là di sản thừa kế do bố mẹ bà để lại và chia thừa kế đối với khối di sản trên theo quy định của pháp luật và bà có nguyện vọng nhận bằng hiện vật, yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện Đ đã cấp cho ông H, bà M đối với các diện tích đất trên.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị M trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 510m² và diện tích đất 296,15m² cùng thuộc thửa đất số 263 tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ mà hiện nay ông bà đang sử dụng và ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc là do bố mẹ ông khai phá từ năm 1954 đến năm 1961 thì cụ Rra bắc, đến năm 1983 cụ R Quay về và trực tiếp canh tác, quản lý, sử dụng đất.

Năm 1990, cụ L làm giấy viết tay tặng cho ông bà diện tích đất 510m² để ông bà quản lý, sử dụng. Năm 1991, cụ R chết, không để lại di chúc. Sau khi chết thì diện tích đất nhà còn lại thì cụ L tiến hành làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002 và được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/01/2002.

Tháng 3/2004, trước khi chết cụ L có lên công chứng làm hợp đồng tặng cho diện tích đất 296,15m². Toàn bộ các diện tích đất trên thì ông bà đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý, sử dụng ổn định cho đến nay. Ông bà không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ vì các diện tích đất trên thì cụ L đã cho ông bà quản lý, sử dụng và ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà Đ. Bà đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện Đ trình bày:

Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, bà M là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn R, cụ Nguyễn Thị L gồm bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn H.

Cụ Nguyễn Văn R, cụ Nguyễn Thị L chết không để lại di chúc nên chia thừa kế theo pháp luật.

Cụ Nguyễn Thị L trước khi chết đã tặng cho toàn bộ tài sản của mình cho ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị M và một kỷ phần được nhận của cụ R.

Di sản thừa kế do cụ Nguyễn Văn R để lại là 1/2 diện tích đất ở 296,15m² thuộc thửa đất số 263 tờ bản đồ số 9 và 1/2 diện tích đất ruộng màu 510m² thuộc thửa đất số 263 tờ bản đồ số 9, tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L.

Giao cho ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị M toàn quyền quản lý, sử dụng tài sản là diện tích đất ở 296,15m² thuộc thửa đất số 263 tờ bản đồ số 9 và diện tích đất ruộng màu 510m² thuộc thửa đất số 263 tờ bản đồ số 9 tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L và tài sản gắn liền với đất là một căn nhà cấp 4 và 3 căn nhà trọ, tường rào xung quanh đất tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ, tỉnh L.

Ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Đ giá trị tài sản tương đương với một kỷ phần thừa kế là 469.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị M có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị H giá trị tài sản tương đương với một kỷ phần thừa kế là 469.000.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Đ về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị M.

Ngoài ra, quyết định của bản án còn tuyên về án phí, về chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự.

Ngày 03/4/2020, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H kháng cáo đối với toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ. Bà Đ, bà Hương yêu cầu hủy hai chứng chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp cho ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị M vào năm 1998 và 2004; yêu cầu chia thừa kế tài sản theo quy định của pháp luật; giao cho bà Đ và bà Hương được hưởng phần di sản của cha mẹ để lại là diện tích đất 510m² và có lối đi vào đất có chiều rộng là 3,5m.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị chấp nhận kháng cáo. Về phía bị đơn ông H, bà M (do ông Nguyễn Văn Đ là người đại diện theo ủy quyền) không kháng cáo, đề nghị giải quyết như bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự phúc thẩm; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hương khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do cụ R và cụ L để lại; do hiện nay toàn bộ khối di sản là quyền sử dụng đất diện tích 510m² và diện tích 296,15m² cùng thuộc thửa đất

số 263 tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/4/1998 cho hộ bà Lê Thị M diện tích 510m² thuộc thửa đất số 263 tờ bản đồ số 09; cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị M ngày 13/4/2004 diện tích 296,15m² thuộc thửa đất số 263 tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ.

Như vậy, toàn bộ quyền sử dụng đất là di sản thừa kế do hai cụ để lại đã được đứng tên vợ chồng ông H, bà M; do đó, cả bà Đ và bà Hương đều có yêu cầu hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên vợ chồng ông H bà M để chia di sản thừa kế của hai cụ để lại theo pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đều xác định các quyền sử dụng đất nêu trên là di sản thừa kế do hai cụ để lại, nhưng không hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho vợ chồng ông H, bà M mà vẫn tiến hành chia di sản thừa kế của hai cụ để lại khi di sản thừa kế vẫn đứng tên vợ chồng ông H, bà M là không đúng và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, vì di sản là quyền sử dụng đất vẫn đứng tên vợ chồng ông H, bà M mà đem chia thừa kế là không đúng pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H thì:

Các đương sự đều thừa nhận cụ Nguyễn Văn R, cụ Nguyễn Thị L là vợ chồng. Cụ Ru, cụ L có 03 người con chung là bà Đ, ông H, bà Hương. Cụ R chết năm 1991, cụ L chết năm 2004. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Ru, cụ L là bà Đ, ông H, bà Hương là có căn cứ.

[3] Các đương sự đều thừa nhận khối tài sản chung của cụ Ru, cụ L là diện tích đất 510m² và diện tích đất 296,15m² cùng thuộc thửa đất số 263 tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ. Cụ R chết không để lại di chúc; trước khi cụ L chết cụ L có lập văn bản ủy quyền với nội dung ủy quyền cho con trai là ông H và con dâu là bà M sử dụng diện tích đất 510m² thuộc thửa đất số 263, tờ bản đồ số 09 tọa lạc tại thị trấn L, huyện Đ. Tháng 4/2004, cụ L có lập hợp đồng tặng cho con trai là ông H và con dâu là bà M diện tích đất 296,15m² thuộc thửa đất số 263 tờ bản đồ số 09, tại thị trấn L, huyện Đ. Toàn bộ diện tích đất này hiện nay ông H, bà M đã được UBND huyện Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như đã nêu trên và ông H, bà M sử dụng ổn định cho đến nay.

[4] Theo giấy ủy quyền ngày 01/01/1990 của cụ L thể hiện nội dung: “Nay tôi làm đơn này ủy quyền toàn bộ đất đai tự khai phá từ năm 1954 cho con trai ruột của tôi là Nguyễn Văn H và con dâu của tôi là Lê Thị M được toàn quyền sử dụng đất trên với tổng diện tích 910m², trong đó diện tích nhà là 112m² số còn lại là đất thổ cư”. Tại thời điểm này, cụ R vẫn còn sống nhưng cụ L lại tự định đoạt đối với toàn bộ diện tích đất là tài sản chung của vợ chồng là không đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc ủy quyền này bị vô hiệu một phần (phần định đoạt tài sản của cụ Ru) là có căn cứ nhưng lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải xem xét tính

hợp pháp của văn bản ủy quyền này mới có căn cứ để tiến hành phân chia di sản thừa kế đúng quy định.

[5] Theo hợp đồng cho nhà và đất của cụ L được chứng thực ngày 05/4/2004 thể hiện: “Hiện tôi có một lô đất ở diện tích đất 296,15m² thuộc thửa đất số 263 tờ bản đồ số 09...Nay vì tuổi già sức yếu, tôi quyết định cho con tôi toàn bộ căn nhà và diện tích đất nói trên là ông H, bà M”. Như vậy, tại thời điểm cụ L lập hợp đồng tặng cho tài sản thì cụ R đã chết, tài sản trên cụ L tự định đoạt cho ông H, bà M là vi phạm chế độ tài sản chung của vợ chồng. Ngoài ra, Tòa án cũng chưa thu thập tài liệu chứng cứ để chứng minh cụ L có biết chữ không, có biết đọc, biết viết không; vì theo văn bản công chứng ngày 05/4/2004 thì chỉ thể hiện cụ L điểm chỉ.

Do đó, trường hợp cụ L là người không biết chữ, cụ L chỉ biết điểm chỉ nhưng trong văn bản công chứng thì không có người làm chứng theo quy định của pháp luật thì việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định hợp đồng tặng cho bị vô hiệu một phần là không đúng quy định của pháp luật mà hợp đồng này sẽ bị vô hiệu toàn bộ. Trường hợp nếu có căn cứ chứng minh cụ L không biết chữ, không biết đọc, không biết viết thì các văn bản do cụ L điểm chỉ với nội dung tặng cho nếu không thể hiện cụ L đã được nghe đọc lại văn bản trước khi điểm chỉ. Vì vậy, khi giải quyết vụ án cần phải xem xét tính hợp pháp của các hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà cụ L đã điểm chỉ để giải quyết theo đúng quy định mới đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

[6] Do vợ chồng ông H, bà M là người trực tiếp trông coi và quản lý di sản, nên khi giải quyết vụ án cũng cần phải xem xét công sức của người trực tiếp trông coi và quản lý di sản và công sức của người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đối với người để lại di sản để khấu trừ vào di sản thừa kế và giải quyết trong cùng một vụ án mới đúng quy định của pháp luật.

[7] Với những phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được những thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm. Do đó, cần hủy bản án dân sự sơ thẩm, chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung là có căn cứ. Do hủy án vì vi phạm tố tụng nên không xem xét kháng cáo của bà Đ, bà Hương.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên bà Đ, bà Hương không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Đ, bà Hương số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9] Về án phí sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

[10] Về chi phí tố tụng khác: Số tiền tạm ứng chi phí tố tụng mà đương sự đã tạm nộp sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2020/DS-ST ngày 24/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Đ; bị đơn ông Nguyễn Văn H, bà Lê Thị M.

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Đ giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị H mỗi người 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã tạm nộp theo các biên lai thu số 0000011 và 0000012 cùng ngày 20/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về chi phí tố tụng khác: Sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự (09);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Hữu Nhân